TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Bà Cao Thị Kim Phương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/ 2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, về việc "*Ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ B, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Hiện đang chấp hành án tại Đội 9, phân trại số B, Trại giam T1. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Kim O trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim O và anh Trần Xuân T tự nguyện quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau khoảng hai năm thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 2000 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Đến năm 2011 hai bên mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/3/2011.

Theo chị O, vợ chồng chung sống hạnh phúc gần 20 năm nhưng đến ngày 18/7/2019 khi chị O đi làm về thì Công an xã mời anh T đến trụ sở Công an xã để làm việc, khi đó chị O mới biết anh T phạm tội "Hiếp dâm và dâm ô với người dưới 16 tuổi", sau đó anh T bị xử phạt mức án 11 (Mười một) năm tù và hiện đang chấp hành án tại Trại giam T1. Thời gian đầu chị O có đi thăm anh T nhưng vợ chồng không gặp nhau do chị đi thăm không đúng ngày cho thăm gặp, kể từ đó đến nay vợ chồng không còn liên hệ gì với nhau, chị O cũng đã đề xuất vấn đề ly hôn với anh T nhưng anh T không có ý kiến gì.

Nay chị O nhận thấy không còn tình cảm với anh T và cũng không mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nên chị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Xuân T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim O khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai đề ngày 09 tháng 5 năm 2025, bị đơn - anh Trần Xuân T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Trần Xuân T thừa nhận anh và chị Nguyễn Thị Kim O tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau được mười mấy năm (anh không nhớ chính xác thời gian), cả hai có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định.

Theo anh T, vợ chồng chung sống với nhau đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T có hành vi vi phạm pháp luật (hiếp dâm và dâm ô) nên anh T phải chấp hành án thời hạn 11 (Mười một) năm tù, hiện anh T đã chấp hành án được hơn 05 năm, sau quá trình cải tạo tốt và được giảm án nhiều lần thì thời gian chấp hành án còn lại của anh T còn khoảng hơn 01 năm. Cách đây khoảng 01 tháng anh T đã nhận được yêu cầu ly hôn của chị O, tuy nhiên sau khi suy nghĩ anh T nhận thấy mặc dù trong suốt thời gian anh chấp hành án chị O chỉ thăm anh T được một lần nhưng cả hai không gặp mặt nhau (do chị O thăm gặp không đúng thời gian quy định) và bản thân anh T nhận thấy có lỗi với chị O nên mong muốn Tòa án hòa giải hàn gắn đoàn tụ cho vợ chồng anh nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim O.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Xuân T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Kim O và anh Trần Xuân T được ly hôn.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim O và anh Trần Xuân T không có con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn*". Theo kết quả xác minh, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai (BL 38) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 32, 56). Căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kim O và anh Trần Xuân T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/3/2011 (BL 06), căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị O và anh T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay (từ khi anh T đi chấp hành án). Trong thời gian anh T chấp hành án tại trại giam chị O chỉ thăm anh T được một lần nhưng cả hai không gặp mặt nhau nên không có điều kiện hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống. Mặc dù quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nhưng chị O và anh T đều không trình báo nên chính quyền địa phương không nắm được nhưng cả hai bên đều thừa nhận, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (BL 36, 37, 38, 46, 47, 48).

Xét mong muốn đoàn tụ của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm theo yêu cầu của bị đơn nhưng không có kết quả, anh T không đưa ra được bất cứ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị O và chị O không có mong muốn đoàn tụ với anh T. Do đó, xét mong muốn hàn gắn đoàn tụ của bị đơn là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Từ các phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa chị O và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị O là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị O và anh T đều thừa nhận vợ chồng không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị O và anh T xác định không có tài sản chung và nợ chung đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Kim O.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim O và anh Trần Xuân T được ly hôn.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Kim O và anh Trần Xuân T không có con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kim O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008633 ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị Kim O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 30/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang